

Soạn Văn: Tổng kết phần văn học (tiếp theo)**A. Nhìn chung về nền văn học Việt Nam:****Câu 1 (trang 193 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):****a. Bộ phận văn học chữ Hán:**

TT	Tác phẩm (Đoạn trích)	Tác giả	Thể loại
1	<i>Con hổ có nghĩa</i>	Vũ Trinh	Truyện
2	<i>Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng</i>	Hồ Nguyên Trừng	Truyện
3	<i>Sông núi nước Nam</i>	Lí Thường Kiệt	Thơ
4	<i>Phò giá về kinh</i>	Trần Quang Khải	Thơ
5	<i>Thiên Trường vãn vọng</i>	Trần Nhân Tông	Thơ
6	<i>Côn Sơn ca</i>	Nguyễn Trãi	Thơ
7	<i>Chiều dời đô</i>	Lí Công Uẩn	Chiếu
8	<i>Hịch tướng sĩ</i>	Trần Quốc Tuấn	Hịch
9	<i>Nước Đại Việt ta</i>	Nguyễn Trãi	Cáo
10	<i>Bàn luận về phép học</i>	Nguyễn Thiếp	Tấu
11	<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>	Nguyễn Dữ	Truyện kì

12	<i>Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh</i>	Phạm Đình Hồ	Tùy bút
13	<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>	Ngô gia văn phái	Tiểu thuyết lịch sử

b. Bộ phận văn học chữ Nôm:

TT	Tác phẩm (Đoạn trích)	Tác giả	Thể loại
1	<i>Sau phút chia li</i>	Đoàn Thị Điểm	Thơ song thất lục bát
2	<i>Bánh trôi nước</i>	Hồ Xuân Hương	Thơ tứ tuyệt
3	<i>Qua Đèo Ngang</i>	Bà Huyện Thanh Quan	Thơ song thất lục bát
4	<i>Bạn đến chơi nhà</i>	Nguyễn Khuyến	Thơ song thất lục bát
5	<i>Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác</i>	Phan Bội Châu	Thơ song thất lục bát
6	<i>Đập đá ở Côn Lôn</i>	Phan Châu Trinh	Thơ song thất lục bát
7	<i>Muốn làm thằng Cuội</i>	Tản Đà	Thơ song thất lục bát
8	<i>Hai chữ nước nhà</i>	Trần Tuấn Khải	Thơ song thất lục bát
9	<i>Chị em Thúy Kiều</i>	Nguyễn Du	Truyện thơ
10	<i>Cảnh ngày xuân</i>	Nguyễn Du	Truyện thơ

11	<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	Nguyễn Du	Truyện thơ
12	<i>Mã Giám Sinh mua Kiều</i>	Nguyễn Du	Truyện thơ
13	<i>Thúy Kiều báo ân báo oán</i>	Nguyễn Du	Nguyễn Du
14	<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ
15	<i>Lục Vân Tiên gặp nạn</i>	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ

Câu 2 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Phân biệt văn học dân gian với văn học viết:

Tiêu chí so sánh	Văn học dân gian	Văn học viết
<i>Tác giả</i>	Vô danh, mang tính tập thể	Cá nhân
<i>Thời điểm sáng tác</i>	Khó xác định	Dễ xác định
<i>Phương thức lưu truyền</i>	Truyền miệng, sau này được ghi chép lại	Văn tự (văn bản)
<i>Dị bản</i>	Có	Không
<i>Hệ thống thể loại</i>	Đa dạng, đặc trưng, văn học viết không lặp lại	Phong phú

Câu 3 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Ảnh hưởng của văn học dân gian đến văn học viết:

Văn học viết sử dụng chất liệu dân gian trong tác phẩm: Tục ngữ, thành ngữ “*Bảy nổi ba chìm*”; “*Kiến bò miệng chén*”; “*Bướm lả ong lơ*”...; Thể thơ lục bát (*Truyện Kiều*, *Truyện Lục Vân Tiên*...); Cốt truyện dân gian (Truyện người con gái Nam Xương)... ; Lấy cảm hứng và hình tượng dân gian: Con cò (*Chế Lan Viên*).

Câu 4 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Một số dẫn chứng cho thấy tinh thần yêu nước là nội dung nổi bật trong văn học Việt Nam qua các thời kì:

- Thời kì Trung đại (thế kỉ X-XIX): *Sông núi nước Nam*, *Phò giá về kinh*, *Bình Ngô đại cáo*, *Hịch tướng sĩ*...
- Đầu thế kỉ XX-Cách mạng tháng Tám 1945: In dấu trong các tác phẩm của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Hồ Chí Minh...
- Sau Cách mạng tháng Tám 1945: *Làng*, *Lặng lẽ Sa Pa*, *Đoàn thuyền đánh cá*,...

Câu 5 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo:

- Thương cảm, đau xót cho số phận đau khổ của con người.
- Trân trọng, tôn vinh vẻ đẹp của con người.
- Tố cáo, phê phán các thế lực chà đạp lên con người.
- Thấu hiểu, nâng niu ước mơ của con người.

B. Sơ lược về một số thể loại văn học:

Câu 1 (trang 200 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Các thể loại chính của văn học dân gian:

- *Truyền thuyết*: Truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo.
- *Truyện cổ tích*: Truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc. Thường có yếu tố hoang đường, thể hiện niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện với cái ác.

- *Truyện cười*: Kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán.
- *Truyện ngụ ngôn*: Kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn lời về loài vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người nhằm khuyên nhủ, răn dạy.
- *Ca dao, dân ca*: Thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.
- *Tục ngữ*: Những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện kinh nghiệm sống của nhân dân, được vận dụng vào đời sống hằng ngày.

Câu 2 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Các ví dụ:

- Nhân vật dũng sĩ: Thạch Sanh, Bôn anh tài...
- Nhân vật có tài năng đặc biệt: Em bé thông minh...
- Nhân vật xấu xí: Sọ Dừa, Công chúa ếch...
- Nhân vật gốc gác: Chàng cóc, con chim ánh sáng...

Câu 3 (trang 194 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

1	Bước T	tới T	Đèo B	Ngang B	bóng T	xế T	tà B
2	Cỏ T	cây B	chen B	đá T	lá T	chen B	hoa B
3	Lom B	khom B	dưới T	núi T	tiêu B	vài B	chú T
4	Lác T	đác T	bên B	sông B	chợ T	mấy T	nhà B

5	Nhớ T	nước T	đau B	lòng B	con B	quốc T	quốc T
6	Thương g B	nhà B	mỗi T	miệng T	cái T	gia B	gia B
7	Dừng B	chân B	đứng T	lại T	trời B	non B	nước T
8	Một T	mảnh T	tình B	riêng B	ta B	với T	ta B

Quy tắc niêm luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan:

- Các vần được gieo ở cuối câu 1, 2, 4, 6, 8 (Vần a).
- Câu 1 và 2 đối nhau về thanh điệu (khác nhau về bằng trắc ở các chữ thứ 2,4,6)
- Câu 2 và 3 niêm với nhau (giống nhau về bằng, trắc ở các chữ thứ 2,4,6)
- Cặp câu 3 và 4, 5 và 6 đối nhau về âm thanh và hình ảnh.

Câu 4 (trang 200 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

Hai truyện thơ Nôm là Truyện Kiều và Truyện Lục Vân Tiên.

- *Tóm tắt ngắn gọn Truyện Kiều:* Thúy Kiều là thiếu nữ tài sắc vẹn toàn. Nàng có mối tình với Kim Trọng. Kim Trọng về quê chịu tang, gia đình Kiều bị vu oan, nàng phải bán thân chuộc cha. Kiều bị bọn buôn người lừa gạt hai lần bị đưa vào lầu xanh. Rồi Kiều được Từ Hải cứu. Nhưng sau đó Từ Hải bị lừa giết, Kiều bị ép gả cho viên thổ quan, nàng trầm mình xuống sông, được sư Giác Duyên cứu giúp. Kim Trọng sau khi chịu tang, trở lại tìm Thúy Kiều. Nhờ gặp sư Giác Duyên, Kiều tìm được gia đình. Chiều ý mọi người, nàng nối duyên Kim Trọng nhưng chỉ coi là tình bạn.

- *Tóm tắt truyện Lục Vân Tiên*: Lục Vân Tiên là một chàng trai văn võ song toàn. Một lần chàng đánh đuổi giặc cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Nga đem lòng yêu Tiên nhưng tiếc thay nàng bị gả cho tên quan gian ác, không đành nàng gieo mình xuống sông tự vẫn. Còn Vân Tiên, sau một thời gian dùi mài kinh sử, trên đường đi thi, chàng không may quen phải tên bạn đường xấu xa Trịnh Hâm. Mẹ Tiên mất, chàng khóc thương đến mù mắt. Trịnh Hâm thừa cơ ra tay mưu hại chết Tiên. May thay chàng được lão ngư cứu sống. Tai bay vạ gió, người vợ chàng đã hứa hôn phản bội chàng, cha hắt còn đem Tiên thả vào rừng hòng mưu chàng bị thú dữ ăn thịt. Ở hiền gặp lành, cuối cùng Vân Tiên và Nguyệt Nga gặp lại nhau và sống hạnh phúc mãi mãi.

→ Điểm giống trong các cốt truyện: Các nhân vật là những người hiền lành, tốt bụng, có tài năng nhưng phải trải qua sóng gió, bất hạnh. Cuối cùng họ được đoàn tụ và sống bên nhau.

Câu 5 (trang 200 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

- Đoạn thơ trong truyện Kiều thể hiện sự linh hoạt trong thuật việc:

“Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.

.....

Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm”.

(Mã Giám Sinh mua Kiều)

- Đoạn thơ thể hiện tâm trạng:

“Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung

.....

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.

(Kiều ở lầu Ngưng Bích)

Câu 6 (trang 201 sgk Ngữ Văn 9 Tập 2):

<i>Điểm so sánh</i>	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng	Lão Hạc
<i>Kiểu trần thuật</i>	hành trạng: Tên tuổi, các việc làm,...	biến hóa, đa dạng
<i>Lời lẽ</i>	thuật lại	Đối thoại trực tiếp
<i>Cách miêu tả</i>	giản lược	chi tiết
<i>Mối quan hệ nhân vật</i>	tạo lập trên cơ sở giải quyết tình huống	tạo lập từ thái độ, tình cảm
<i>Điểm nhìn trần thuật</i>	tác giả	nhân vật ông giáo